

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Hoàng Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Quyên Q** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp TL2, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lê Ngọc L** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ z, Ấp NL1, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Quyên Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp, nên anh chị không còn chung sống. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn đối với anh.

- Về nuôi con: Anh chị có con chung là Lê Anh T – sinh ngày 07/5/2011, Lê An Nh – sinh ngày 24/4/2016 và Lê An N – sinh ngày 24/4/2016. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2020 thì anh chị đã không còn chung sống. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị Q yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Về nuôi con: Anh chị có con chung là Lê Anh T – sinh ngày 07/5/2011, Lê An Nh – sinh ngày 24/4/2016 và Lê An N – sinh ngày 24/4/2016. Anh đồng ý chị tiếp tục nuôi dưỡng đối với con chung, tạm thời anh chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. Về hôn nhân: Cho chị Q được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao cho chị Q trực tiếp nuôi con chung, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Lê Ngọc L có nơi cư trú, sinh sống tại xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Bùi Quyên Q khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh L, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố

tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị Q là nguyên đơn và anh L là bị đơn, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 31/8/2009; như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không thể tự hòa giải đoàn tụ nên đã không còn chung sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh L thừa nhận không còn tình cảm và đồng ý ly hôn; đồng thời do đương sự vắng mặt nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị Q và anh L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh chị có con chung là Lê Anh T – sinh ngày 07/5/2011, Lê An Nh – sinh ngày 24/4/2016 và Lê An N – sinh ngày 24/4/2016. Chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con và anh L cũng đồng ý. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị có trách nhiệm chăm sóc và nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Quyên Q.

- Về hôn nhân: Cho chị Bùi Quyên Q được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

- Về nuôi con: Giao cho chị Bùi Quyên Q trực tiếp nuôi các con chung Lê Anh T – sinh ngày 07/5/2011, Lê An Nh – sinh ngày 24/4/2016 và Lê An N – sinh ngày 24/4/2016, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Bùi Quyên Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002934 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
 - Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
 - Các đương sự (để thi hành);
 - UBND xã PT (Số 84, ngày 31/8/2009)
- để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng